

TÀI LIỆU API HỆ THỐNG ESMS.VN

Contents

I.	GIỚI THIỆU HỆ THỐNG API	1
II.	CÁC HÀM GỬI TIN CỦA HỆ THỐNG	2
1.	Hàm lấy số dư.....	2
	Thông số	3
	Thông tin trả về	3
2.	Hàm gửi tin nhắn	4
	Thông số	5
	Thông tin trả về	8
3.	Hàm kiểm tra trạng thái tin nhắn	9
	Thông số	9
	Thông tin trả về	10
4.	Hàm kiểm tra chi tiết từng số trong tin nhắn	12
	Thông số	12
	Thông tin trả về	12
5.	Hàm gửi tin nhắn Voice.....	13
	Thông số	14
	Thông tin trả về	14

I. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG API

Nếu Website, hệ thống của bạn đang cần tính năng gửi SMS đến điện thoại chẳng hạn như nhắn mã xác nhận khi đăng ký Website, hay phần mềm quản lý nhân sự cần nhắn tin thông báo lịch họp,

chúc mừng sinh nhật nhân viên ... Hệ thống **SMS API** của eSMS sẽ đáp ứng được hoàn toàn các yêu cầu của bạn.

Hệ thống API của chúng tôi đảm bảo tính nhanh, đơn giản, tin cậy và dễ dàng tích hợp vào bất kỳ hệ thống nào.

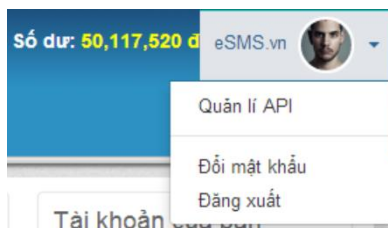
Có thể kết nối bằng tất cả các ngôn ngữ lập trình như C#, Java, ASP.NET, PHP.

Cơ chế hoạt động:

- Kết nối thông qua HTTP Request: POST/Get
- Xác thực: các request của bạn sẽ được hệ thống xác thực thông qua APIkey và SecretKey, 2 key này sẽ được cấp sau khi bạn đăng ký tài khoản tại eSMS.vn

Trước khi sử dụng eSMS API vui lòng [đăng ký tài khoản](#) tại esms.vn để lấy APIKey và Secretkey. **(Có ngay 50 SMS dùng thử)**

Sau khi đăng ký xong bạn truy cập vào Menu Quản lý API để lấy key



Lưu ý: phần này dành cho các lập trình viên, các đơn vị có bộ phận IT. Nếu bạn không có bộ phận IT và muốn chúng tôi hỗ trợ tích hợp liên hệ với chúng tôi qua số Hotline: **0902.435.340**

Xem bài hướng dẫn chi tiết và tải code mẫu tại đây:

esms.vn/blog/3-buoc-de-co-the-gui-tin-nhan-tu-website-ung-dung-cua-ban-bang-sms-api-cua-esmsvn

II. CÁC HÀM GỬI TIN CỦA HỆ THỐNG

1. Hàm lấy số dư

Đây là hàm cơ bản đầu tiên mà bạn nên thử, hàm giúp bạn lấy về số dư trong tài khoản của bạn.

URL Request:

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/GetBalance/{ApiKey}/{SecretKey}>

Yêu cầu này bao gồm:

- URL Cơ sở
- Các tham số

URL cơ sở

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai tùy theo kiểu dữ liệu trả về mong muốn

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng **URL cơ sở**. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "Balance": 7527430, "CodeResponse": "100" , "UserID": 0001 }</pre>	<pre><MemberModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <Balance>7527430</Balance> <CodeResponse>100</CodeResponse> <UserID>0001</UserID> </MemberModel></pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
100	Request thành công.
99	Lỗi không xác định, thử lại sau
101	Đăng nhập thất bại (api key hoặc secret key không đúng)
102	Tài khoản đã bị khóa
103	Số dư tài khoản không đủ để gửi tin
104	Mã Brandname không đúng

2. Hàm gửi tin nhắn

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn đến 1 hoặc nhiều số điện thoại.

eSMS hỗ trợ nhiều hình thức đầu số hiển thị khác nhau như đầu số di động 10 số hoặc Brandname (tên công ty)

Tuy nhiên để gửi được tin nhắn Brandname bạn cần đăng ký Brandname với chúng tôi. Để đăng ký vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh: 0902.435.340

Request:

Url Request có dạng:

`http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage_V4_get?Phone={Phone}&Content={Content}&ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&IsUnicode={IsUnicode}&Brandname={Brandname}&SmsType={SmsType}`

Request mẫu:

`http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage_V4_get?Phone=09xxxx&Content=DemoText&ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&SmsType=4`

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

URL Cơ sở:

Ứng với mỗi dạng kết quả trả về mà phần URL cơ sở sẽ khác nhau là json hay xml

Trả về kết quả dạng JSON	Trả về kết quả dạng XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc				
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.				
Content	Nội dung gửi đến người nhận	Có.				
APIKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có				
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có				
SmsType	<p>Là loại tin nhắn muốn sử dụng, mỗi loại sẽ có đầu số hiển thị khác nhau và chi phí khác nhau. Vui long liên hệ hotline 0902435340 để được tư vấn cụ thể hơn</p> <table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>1</td><td>Brandname quảng cáo</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	1	Brandname quảng cáo	Có.
Giá trị	Ý nghĩa					
1	Brandname quảng cáo					

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
	2	Brandname chăm sóc khách hàng
	3	Đầu số ngẫu nhiên: dùng cho quảng cáo, tốc độ thấp
	4	Đầu số cố định Notify dung cho cả quảng cáo và chăm sóc khách hàng
	6	Đầu số cố định Verify dùng cho chăm sóc khách hàng, mã xác thực
	7	OTP: tin nhắn tốc độ cao, đầu số ngẫu nhiên
	8	Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng. Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để sử dụng.
	13	Tin nhắn 2 chiều: cho phép khách hàng trả lời lại(không được phép gửi tin quảng cáo)

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc						
IsUnicode	<table><tr><th>Mã</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>0</td><td>Có Unicode: gửi tin nhắn có dấu. Chỉ áp dụng với SMSTYPE=3 (Không khuyến dùng)</td></tr><tr><td>1</td><td>Không Unicode</td></tr></table>	Mã	Ý nghĩa	0	Có Unicode: gửi tin nhắn có dấu. Chỉ áp dụng với SMSTYPE=3 (Không khuyến dùng)	1	Không Unicode	Đối với văn bản loại SMS.
	Mã	Ý nghĩa						
	0	Có Unicode: gửi tin nhắn có dấu. Chỉ áp dụng với SMSTYPE=3 (Không khuyến dùng)						
1	Không Unicode							
Brandname	Tên Brandname (tên công ty hay tổ chức khi gửi tin sẽ hiển thị trên tin nhắn đó). Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.	Có khi gửi brandname.						
Sandbox	<table><tr><th>Mã</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>0</td><td>Không thử nghiệm, gửi tin đi thật</td></tr><tr><td>1</td><td>Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)</td></tr></table>	Mã	Ý nghĩa	0	Không thử nghiệm, gửi tin đi thật	1	Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)	Không
	Mã	Ý nghĩa						
	0	Không thử nghiệm, gửi tin đi thật						
1	Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)							
RequestId	ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. Ví dụ: requestid=123456	Không						
SendDate	Đặt lịch gửi tin	Không						

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "CountRegenerate": "0", "SMSID": "24342680" }</pre>	<pre><SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <CountRegenerate>0</CountRegenerate> <SMSID>24342676</SMSID> </SmsResultModel></pre>

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả												
CodeResult	Kết quả của Request												
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>104</td><td>Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy</td></tr><tr><td>118</td><td>Loại tin nhắn không hợp lệ</td></tr><tr><td>119</td><td>Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại</td></tr><tr><td>131</td><td>Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy	118	Loại tin nhắn không hợp lệ	119	Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại	131	Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự
	Giá trị	Ý nghĩa											
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.											
	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy											
	118	Loại tin nhắn không hợp lệ											
	119	Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại											
131	Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự												

Tham số	Sự miêu tả				
	<table><tr><td>132</td><td>Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr></table>	132	Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755	99	Lỗi không xác định
132	Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755				
99	Lỗi không xác định				
IsSandbox					
SMSID	ID của tin nhắn mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn.				

3. Hàm kiểm tra trạng thái tin nhắn

Hàm giúp bạn kiểm tra trạng thái của tin nhắn đã gửi đi.

Cú pháp:

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/GetSendStatus?RefId=XXX&ApiKey=XXX&SecretKey=XX>
[XX](#)

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		
SmsId	ID của SMS được trả về sau khi gọi các lệnh gửi tin.	Có.

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng **URL cơ sở**. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResponse": "100", "SMSID": "XXXX", "SendFailed": 0, "SendStatus": 5, "SendSuccess": 1, "TotalReceiver": 1, "TotalSent": 1 }</pre>	<pre><SmsStatusResult xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <CodeResponse>100</CodeResponse> <SMSID>XXXX</SMSID> <SendFailed>0</SendFailed> <SendStatus>5</SendStatus> <SendSuccess>1</SendSuccess> <TotalReceiver>1</TotalReceiver> <TotalSent>1</TotalSent> </SmsStatusResult></pre>

Thông tin kết quả

Mã	Ý nghĩa
smsid	Mã tin nhắn, được trả về sau khi gọi API gửi tin

Mã	Ý nghĩa														
SendStatus	<table><tr><th>Mã</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>1</td><td>Đang chờ duyệt</td></tr><tr><td>2</td><td>Đang chờ gửi</td></tr><tr><td>3</td><td>Đang gửi</td></tr><tr><td>4</td><td>Bị từ chối</td></tr><tr><td>5</td><td>Đã gửi xong</td></tr><tr><td>6</td><td>Đã bị xóa</td></tr></table>	Mã	Ý nghĩa	1	Đang chờ duyệt	2	Đang chờ gửi	3	Đang gửi	4	Bị từ chối	5	Đã gửi xong	6	Đã bị xóa
Mã	Ý nghĩa														
1	Đang chờ duyệt														
2	Đang chờ gửi														
3	Đang gửi														
4	Bị từ chối														
5	Đã gửi xong														
6	Đã bị xóa														
TotalSent	Tổng số tin nhắn cần gửi														
TotalReceiver	Tổng số người nhận														
SentSuccess	Tổng số tin nhắn gửi thành công														
SentFailed	Tổng số tin nhắn gửi thất bại														

4. Hàm kiểm tra chi tiết từng số trong tin nhắn

Hàm lấy danh sách số điện thoại của một tin nhắn đã gửi (dựa trên SmsID hệ thống trả về) kèm theo trạng thái gửi (Số điện thoại đó đã gửi thành công chưa?)

Cú pháp:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetSmsReceiverStatus_get?&ApiKey=XXXX&SecretKey=XXXX&RefId=XXXX

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		
ReftId	ID của SMS được trả về sau khi gọi các lệnh gửi tin.	Có.

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dự trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "ReceiverList": [{ "IsSent": true, "Phone": "XXXX", "SentResult": true }]</pre>	<pre><SmsReceiver xmlns="http://schemas.datacontract.org/ 2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www. w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <ReceiverList> <Receiver> <IsSent>true</IsSent> <Phone>XXXX</Phone> <SentResult>true</SentResult> </Receiver> </ReceiverList> </SmsReceiver></pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
105	Id không tồn tại trong hệ thống.

5. Hàm gửi tin nhắn Voice

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn đến 1 số điện thoại

Cú pháp:

<http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/MakeCall?ApiKey=XXXXXX&SecretKey=XXXXXX&ApiCode=XXXX&PassCode=XXXX&Phone=XXXX&VarStr=XXXXXX&VarNum=XXXXXX>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
------	-----

<http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /json/>

<http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /xml/>

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
VarStr	Nội dung gửi đến người nhận cần đọc dưới dạng văn bản	Không
VarNum	Nội dung gửi đến người nhận cần đọc dưới dạng từng kí tự	Không
ApiCode	Để xác định mẫu âm thanh khách hàng đăng ký	Có
PassCode		

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng [URL cơ sở](#). Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "SMSID": "5fb8061e-17df-49b4-ad76-dcab396b8e8c" }</pre>	<pre><SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract. org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://w ww.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <SMSID>25b97670-7363-4884-b794-4bf1d75d1cf3</ SMSID> </SmsResultModel></pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
100	Thành công
SMSID	Id reference cần để truy vấn tra cứu thông tin voice message (thành công, thất bại)

Liên hệ:

Skype: [giangsangdesign](#)

Phone: 0909935469

Email: sangng@vihhat.vn